**Tuần 11:**

**Tiết 1 : BỘI CHUNG NHỎ NHẤT**

**Ngày dạy:16/11/2020**

**Lớp dạy: 6A4,6a5**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS hiểu được thế nào là BCNN của nhiều số

\_ HS biết tìm BCNN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố

\_ HS biết phân biệt được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai quy tắc tìm BCNN và ƯCLN, biết tìm BCNN một cách hợp lí trong từng trường hợp

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| - Thế nào là bội chung của hai hay nhiều số ? x ∈ BC(a; b) khi nào ?  - Tìm BC(4;6)  \_ GV cho HS nhận xét việc học lí thuyết và làm bài tập của bạn  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm  \* GV đặt vấn đề :  Dựa vào kết quả mà bạn vừa tìm được, em hãy chỉ ra một số nhỏ nhất khác 0 mà là bội chung của 4 và 6 (hoặc chỉ ra số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp BC(4; 6) ? Số đó gọi là BCNN của 4 và 6 ⇒ Ta xét bài học hôm nay | \_ HS trả lời câu hỏi va làm bài tập  B(4) = {0;4;8;12;16;20;24;28;…}  B(6) = {0; 6; 12; 18; 24;…}  Vậy BC(4; 6) = {0; 12; 24; …}  - Bội chung nhỏ nhất khác 0 của 4 và 6 là 12 |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : BỘI CHUNG NHỎ NHẤT** | | |
| Ví dụ 1 : GV viềt lại bài tập mà HS vừa làmvào phần bảng dạy bài mới. Lưu ý viết phấn màu các số 0; 12; 24; 36…  B(4) = {0;4;8;12;16;20;24;28;…}  B(6) = {0; 6; 12; 18; 24;…}  Vậy BC(4; 6) = {0; 12; 24; …}  Số nhỏ nhất ≠ 0 trong tập hợp các BC của 4 và 6 là 12. Ta nói 12 là BCNN của 4 và 6.  Kí hiệu : BCNN(4, 6) = 12  - GV : Vậy BCNN của hai hay nhiều số là số như thế nào ?  - GV cho HS đọc phần đóng khung trong SGK trang 57  - Em hãy tìm mối quan hệ giữa BC và BCNN ?  ⇒ Nhận xét  - Nêu chú ý về trường hợp tìm BCNN của nhiều số mà có một số bằng 1 ?  Ví dụ : BCNN(5; 1) = 5  BCNN(4; 6; 1) = BCNN(4; 6)  - GV đặt vấn đề : Để tìm BCNN của hai hay nhiều số ta tìm tập hợp các bội chung của hai hay nhiều số. Số nhỏ nhất khác 0 chính là BCNN. Vậy còn cách nào tìm BCNN mà không cần liệt kê như vậy ? Cách tìm BCNN có gì khác với cách tìm ƯCLN ta sang phần tiếp theo | Là số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp các bội chung của các số đó  Tất cả các bội chung của 4 và 6 đều là bội của BCNN(4; 6)  BCNN(a; 1) = a  BCNN(a; b; 1) = BCNN(a; b) | **1) Bội chung nhỏ nhất :**  Ví dụ :  B(4) = {0;4;8;12;16;20;24;…}  B(6) = {0; 6; 12; 18; 24;…}  BC(4; 6) = {0; 12; 24; …}  Số nhỏ nhất ≠ 0 trong tập hợp các BC của 4 và 6 là 12. Ta nói 12 là BCNN của 4 và 6.  Kí hiệu : BCNN(4, 6) = 12  \* Chú ý : SGK |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : TÌM BCNN BẰNG CÁCH PHÂN TÍCH CÁC SỐ**  **RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ** | | |
| Nêu ví dụ 2 : Tìm BCNN(8; 18; 30)  - Trước hết phân tích các số 8; 18; 30 ra TSNT ?  - Để chia hết cho 8, BCNN của ba số 8; 18; 30 phải chứa thừa số nguyên tố nào ? Với số mũ bao nhiêu ?  - Để chia hết cho 8;18; 30 thì BCNN của ba số phải chứa thừa số nguyên tố nào ? Với số mũ bao nhiêu ?  GV giới thiệu các TSNT trên là các TSNT chung và riêng. Mỗi thừa số lấy với số mũ lớn nhất.  - Lập tích các thừa số vừa chọn ta có BCNN phải tìm.  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm :  + Rút ra quy tắc tìm BCNN  + So sánh điểm giống và khác với tìm ƯCLN | ■ 8 = 23  18 = 2.32  30 = 2.3.5  ■ 23  2, 3, 5  23; 32; 5  ■ 23.32.5 = 360  ⇒ BCNN(8; 18; 30) = 360  HS hoạt động nhóm : qua ví dụ và đọc SGK rút ra các bước tìm BCNN, so sánh với tìm ƯCLN.  HS phát biểu lại quy tắc tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1 | **2) Tìm BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố :**  Cách tìm BCNN : SGK  Ví dụ : Tìm BCNN(8; 18; 30)  8 = 23  18 = 2.32  30 = 2.3.5  BCNN(8;18;30) = 23.32.5 = 360  \* Chú ý : SGK |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ** | | |
| \_ GV cho HS làm các bài tập 149 trang 59 SGK.  \_ GV sửa bài cho HS | \_ HS lên bảng làm bài. Các em còn lại làm bài vào tập  \_ HS sửa bài vào tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Học bài  \_ Làm bài tập 150, 151 trang 56 SGK  \_ Tiết sau luyện tập | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ GV giảng kỹ cách tìm BCNN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố

\_GV chỉ cách phân biệt để HS không nhầm lẫnt được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai quy tắc tìm BCNN và ƯCLN, biết tìm BCNN một cách hợp lí trong từng trường hợp

**Tiết 2: LUYỆN TẬP**

**Tuần 11**

**Ngày dạy:16/11/2020**

**Lớp dạy: 6A4,6a5**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS được củng cố và khắc sâu kiến thức về tìm BCNN

\_ HS biết cách tìm bội chung thông qua tìm BCNN

\_ Vận dụng tìm BC và BCNN trong các bài toán thực tế đơn giản

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| GV nêu câu hỏi :  \_ HS1 : Thế nào là BCNN của hai hay nhiều số ? Nêu nhận xét và chú ý?  + Tìm BCNN(10;12; 15)  \_ HS2 : Nêu qui tắc tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1 ?  + Tìm BCNN(24; 40; 168)  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP** | | |
| **Bài 152 trang 59 SGK**  Tìm số tự nhiên a nhỏ nhất khác 0, biết rằng a  15 và a  18  **Bài 153 trang 59 SGK**  Tìm các bội chung nhỏ hơn 500 của 30 và 45  **Bài 154 trang 59 SGK**  Học sinh lớp 6C khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều vừa đủ hàng. Biết rằng số học sinh lớp đó trong khoảng từ 35 đến 0. Tính số học sinh của lớp 6C  **Bài 155 trang 60 SGK**  GV phát phiếu cho các nhóm học tập bảng ở bài 155. Yêu cầu các nhóm  a) Điền vào chỗ trống  b) So sánh tich ƯCLN(a; B) BCNN(a; b) với tích a.b | \_ HS :  a  15 và a  18 nên a là bội chung của 15 và 18  a lại là số nhỏ nhất khác 0 nên suy ra a là BCNN(15, 18) = 90  \_ HS :  BCNN(30, 45) = 90  BC(30, 45) = B(90) = {0; 90; 180; 270; 360; 450; 540; …}  Các bội chung nhỏ hơn 500 của 30và 45 là : 0; 90; 180; 270; 360; 450  \_ HS :  Theo đề bài, số học sinh của lớp 6C phải chia hết cho 2, cho 3, cho 4, cho 8 nghĩa là số này phải là bội chung của 2, 3, 4 và 8  BCNN(2, 3, 4, 8) = 24  B(24)= (0; 24; 48; 72; 96; …}  Trong các số thuộc B(24) chỉ có 48 là trong khoảng từ 35 đến 60. Vậy số họcsinh lớp 6C là 48  \_ HS làm bài tập theo nhóm | **Bài 152 trang 59 SGK**  a  15 và a  18 nên a là bội chung của 15 và 18  a lại là số nhỏ nhất khác 0 nên suy ra a là BCNN(15, 18) = 90  **Bài 153 trang 59 SGK**  BCNN(30, 45) = 90  BC(30, 45) = B(90) = {0; 90; 180; 270; 360; 450; 540; …}  Các bội chung nhỏ hơn 500 của 30và 45 là : 0; 90; 180; 270; 360; 450  **Bài 154 trang 59 SGK**  Theo đề bài, số học sinh của lớp 6C phải chia hết cho 2, cho 3, cho 4, cho 8 nghĩa là số này phải là bội chung của 2, 3, 4 và 8  BCNN(2, 3, 4, 8) = 24  B(24)= (0; 24; 48; 72; 96; …}  Trong các số thuộc B(24) chỉ có 48 là trong khoảng từ 35 đến 60. Vậy số họcsinh lớp 6C là 48 |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Xem lại các bài tập đã sửa  \_ Bài tập 189, 190 trong SBT  \_ Tiết sau tiếp tục luyện tập | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ GV cũng cố lại kiến thức tìm UCLN,BCNN và cho nhiều bài tập trên lớp và về nhà để HS rèn luyện.

* GV cho các bài tập toán thực tế, chỉ học sinh cách phân tích đề, hướng giải.

**Tuần 11**

**Tiết 3: ÔN TẬP CHƯƠNG I**

**Ngày dạy:18/11/2020**

**Lớp dạy: 6A4,6a5**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS được củng cố và khắc sâu kiến thức về tìm BCNN và BC thông qua BCNN

\_ Rèn kĩ năng tính toán, biết tìm BCNN một cách hợp lí trong từng trường hợp cụ thể

\_ Vận dụng tìm BC và BCNN trong các bài toán thực tế đơn giản

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| GV nêu câu hỏi :  \_ HS1 : Phát biểu quy tắc tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1.  + Sửa bài tập 189 trong SBT  \_ HS2 : Nêu cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN  + Tìm ƯCLN rồi tìm ƯC(126; 210; 90)  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP** | | |
| **Bài 156 trang 60 SGK**  Tìm số tự nhiên x, biết rằng :  x  12, x  21, x  28 và 150 < x < 300  **Bài 157 trang 60 SGK**  Hai bạn An và Bách cùng học một trường nhưng ở hai lớp khác nhau. An cứ 10 ngày lại trực nhật. Bách cứ 12 ngày lại trực nhật. Lần đầu cả hai cùng trực nhật vào một ngày. Hỏi sau ít nhất bao nhiêu ngày thì hai bạn lại cùng trực nhật ?  **Bài 158 trang 60 SGK**  Hai đội công nhân nhận trồng một số cây như nhau. Mỗi công nhân đội I phải trồng 8 cây, mỗi công nhân đội II phải trồng 9 cây. Tính số cây mỗi đội phải trồng, biết rằng số cây đó trong khoảng từ 100 đến 200 | \_ HS :  x ∈ BC(12, 21, 28) và 150 < x < 300. BCNN(12, 21, 28) = 84  Vây các số cần tìm : 168; 252  \_ HS :  Số ngày phải tìm là BCNN(10, 12) = 60  \_ HS :  Gọi số cây mỗi đội phải trồng là x, ta có :  x ∈ BC(8, 9) và 100 ≤ x ≤ 200  Vậy số cây mỗi đội phải trồng là 144 | **Bài 156 trang 60 SGK**  x ∈ BC(12, 21, 28) và 150 < x < 300. BCNN(12, 21, 28) = 84  Vây các số cần tìm : 168; 252  **Bài 156 trang 60 SGK**  Số ngày phải tìm là BCNN(10, 12) = 60  **Bài 158 trang 60 SGK**  Gọi số cây mỗi đội phải trồng là x, ta có :  x ∈ BC(8, 9) và 100 ≤ x ≤ 200  Vậy số cây mỗi đội phải trồng là 144 |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : CÓ THỂ EM CHƯA BIẾT** | | |
| Lịch can chi :  GV giới thiệu cho HS ở phương Đông trong đó có Việt Nam gọi tên năm âm lịch bằng cách ghép 10 can (theo thứ tự) với 12 chi (như SGK). Đầu tiên Giáp được ghép với Tí thành Giáp Tí. Cứ 10 năm Giáp được lặp lại. Vậy theo các em bao nhiêu năm năm Giáp Tí được lặp lại ?  Và tên của các năm âm lịch khác cũng được lặp lại sau 60 năm | Sau 60 năm (là BCNN của 10 và 12) |  |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Xem lại các bài tập đã sửa  \_ Bài tập 159, 160, 161 trong SGK trang 63  \_ Chuẩn bị cho tiết sau ôn tập chương, HS trả lời 10 câu hỏi ôn tập (SGK trang 61) | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_Gv ôn tập lại các kiến thức đã học thông qua các bài tập cơ bản.

\_ Vận dụng tìm BC và BCNN trong các bài toán thực tế đơn giản